

# Âm nhạc tài tử cải lương tại miền Nam vào đầu thế kỷ XX [\*]

Trần Văn Khê

Vào đầu thế kỷ XX, âm nhạc tài tử ở miền Nam đã thành hình nhờ các nhạc sĩ, nhạc quan của triều Nguyễn theo phong trào Cần Vương vào Nam đem theo âm nhạc truyền thống đất Thần Kinh chuyển thành hơi miền Nam. Trước khi vào Nam, các bậc thầy này có khi đi ngang qua Quảng Nam, Quảng Ngãi nên trong nghề thường gọi đờn tài tử là **đờn Huế** hay **đờn Quảng**.

Chữ **tài tử** có nghĩa là người có tài, cũng có nghĩa là không chuyên nghiệp. Không chuyên nghiệp không phải là tài nghệ không cao, không luyện tập. Những người nổi tiếng trong nhạc tài tử là các bậc thầy, bài bản đầy đủ, lại có những ngón đờn độc đáo, những chữ nhấn tuyệt diệu. Nhưng muốn nghe những tiếng đờn kỳ diệu đó không phải là có tiền là được. Người đờn tài tử chỉ gặp nhau trong những buổi hòa nhạc để thưởng thức tài nghệ chứ không phải đờn để mưu sinh.

**Ở miền Nam, đờn tài tử là một loại nhạc thính phòng, bài bản chánh gồm có 20 bài tổ như sau :**

- \* 6 bài Bắc : Lưu thủy trường, Phú lục chấn, Bình bán chấn, Xuân tình, Tây thi, Cổ bản.
- \* 3 bài Nam : Nam xuân, Nam ai, Đão ngũ cung
- \* 4 bài Oán : Tứ đại oán, Phụng cầu, Giang nam, Phụng hoàng
- \* 7 bài lớn trong nhạc lễ (còn gọi là 7 bài cò) : Ngũ đối thượng (gọi tắt là bài Thượng), Ngũ đối hạ (Bài hạ), Long đăng, Long ngâm, Tiểu khúc, Vạn giá, Xàng xê.

Những bài Bắc nhỏ như Lưu thủy đoản, Bình bán vấn, Kim tiền thường được gọi tắt là Lưu bình kim, Lưu thủy cao sơn, Tam pháp nhập môn, Khổng Minh tọa lâu, Mẫu tằm tử, Xuân phong, Long hổ hội.

Bài Văn thiên tường thường thuộc hơi ai, oán;

Hành vân đờn theo hơi xuân và ai

Những bài hơi Quảng như Ngũ diêm, Bài tạ, Xàng xừ liễu, Khóc hoàng thiên

Những bài gốc Triều châu như Trạng ngươn hành lộ, Mạnh Lệ Quân

Các bài trên tuy không nằm trong 20 bài tổ nhưng cũng rất được ưa thích.

**Nhiều nghệ sĩ, nhạc sĩ và nhà nghiên cứu lại cho nhạc cổ hay nhạc tài tử chỉ có 10 bản.** Chúng tôi xin ghi lại xuất xứ ý kiến trên của ba nghệ sĩ sau đây :

- Võ Tấn Hưng (nhạc sĩ Năm Hưng) . Cổ nhạc tâm nguyên - Bản đờn kim quyền 1.—Saigon , Tác giả xuất bản, 158 tr. (xem trang 21-25)
- Trần Hữu Trang. Vài ý kiến về ca kịch cải lương (trong tạp chí Văn Nghệ giải phóng, số 6, tháng 11, 1963, tr. 29-35)
- Trương Bình Tòng. Nghệ thuật cải lương. Hà Nội : Viện Sân Khấu, 1997, tr.28-30

Theo các tác giả trên, 10 loại ấy như sau :

- Nhứt Lý (6 bản Lý)
  - Theo Năm Hưng (NH): Lý vọng phu, Lý giao duyên, Lý con sáo (hay Lý tam thất), Lý ngựa ô (hay Mã hồng quân), Lý ngựa ô Bắc, Lý phước Kiến.
  - Theo Trần Hữu Trang (THT): Lý con sáo, Lý ngựa ô, Lý thập tình, Lý vọng phu, Lý chiều chiều, Lý Cái Môn, Lý Huế.
  - Theo Trương Bình Tòng(TBT) : Lý con sáo, Lý giao duyên, Lý vọng phu Nam, Lý ngựa ô (Bắc và Nam), Lý Phước kiến, Lý thập tình.

- Nhi Ngâm
  - NH : có những bản ngâm riêng biệt, ngũ ngôn, bát cú, tứ cú, song thất hay thượng lục hạ bát
  - THT : ngâm thơ 1 câu, 3 câu theo thơ Đường hay thơ mới, thơ tự do; ngâm Sa mạc, Kiều.
  - TBT : các loại ngâm thơ
- Tam Nam (ba bài Nam) : Nam xuân, Nam ai, Nam đảo (Ngũ cung)
- Tứ Oán : gồm 6 bản :
  - Theo NH và THT :Tứ đại, Phụng hoàng, Giang nam, Phụng cầu, Bình sa lạc nhật (Nhận đáp xuống bãi cát), Thanh dạ đề quyền (đêm khuya nghe tiếng chim quyền kêu).
  - Theo TBT : có thêm 2 bản khác là Ngươn tiêu hội oán và Võ văn hội oán.
- Ngũ điểm
  - Theo NH : Lưu thủy, Phú lục, Bình bán, Cổ bản, Xuân tình, sau chế thêm Tật thi
  - Theo THT : gồm 6 bài Bắc : Lưu thủy trường, Phú lục, Xuân tình, Bình bán chán, Tây thi, Cổ bản
  - Theo TBT : Lưu thủy, Phú lục, Xuân tình, Bình bán, Tây thi, Cổ bản. Tổng cộng 36 bản.
- Lục xuất
  - Theo NH, THT : Bình bán, Tây thi vẫn, Kim tiền, Xuân phong, Long hồ, Cổ bản vẫn
  - Theo TBT : Văn thiên tường, Trường tương tư, Chinh phụ, Tứ đại vẫn, Hội ngươn tiêu, Bát bản chán
- Thất chính (thuộc về nghi lễ) cũng gọi là Bảy bài lớn : Xáng xê, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đăng, Vạn giá, Tiểu khúc (theo cả ba tác giả)
- Bát ngự : 8 bài sáng tác để nghinh giá lúc vua Thành Thái vào Nam. Nhạc sĩ Năm Hưng cho rằng 8 bản ấy do cụ Ba Đợi sáng tác. Một số nghệ nhân, tài tử và ông Hồ Hữu Tường thì cho rằng ông Năm Diệm (nội tổ chúng tôi) sáng tác, nhưng chúng tôi không có bằng chứng chi để xác nhận. Tám bài ấy là : Đường Thái Tôn, Vọng Phu, Chiêu quân, Ái Tử kê, Bắc man tấn công, Tương tư, Quả phụ hàm oan, Duyên kỳ ngộ, (theo cả ba tác giả) . Về bài Bắc man tấn công, có chút dị biệt trong cách gọi. Nhạc sư Lê Văn Tiếng trong quyển *Cảm ca tân điệu* (tr. 130) và Trần Hữu Trang gọi là Bát man tấn công. Theo thiên ý thì Bát man đúng hơn, vì có nghĩa là 8 người thuộc về dân tộc man di mọi rợ ở phía Nam, người Trung Quốc hay dùng chữ Nam man.
- Cửu nhĩ
  - Theo NH và THT : có 9 bài : Tứ bửu miền Tây : Minh hoàng thượng nguyệt, Ngự giá đăng lâu, Phò mã giao duyên, và Ái tử kê.
  - Theo TBT : Ngũ châu miền Đông : Kim tiền bản, Ngự giá, Hồ lan, Vạn liên' Song phi hồ điệp
- Thập thủ liên hoàn : 10 bài ngự miền Trung : Phẩm tuyết, Nguyên tiêu, Hồ quảng, Liên hườn, Bình nguyên, Tây mai, Kim tiền, Xuân phong, Long hồ, Tẩu mã (theo 3 tác giả)

**T**rong thực tế, chúng tôi nhận thấy nếu biết 20 bài tổ thì đáng gọi là thầy đờn rồi trong giới tài tử. Đờn tài tử có khi đờn một mình, độc tấu đờn kìm, đờn tranh, nhưng thường thì cũng có ít nhất hai cây đờn hòa với nhau như đờn kìm và đờn tranh, hay đờn tranh với đờn cò.

Năm cây, người xưa gọi là Ngũ tuyệt như ở miền Trung : tranh, kìm, cò, độc huyền, tì bà.

Đờn tam, cũng như tì bà trong Nam ít người biết. Thịnh thoảng có sáo hay ống tiêu cùng hòa. Ít khi hòa đờn mà không có ca. Người ca thường rất quan trọng, vì người nghe hiểu lời ca dễ hơn tiếng đờn. Người đờn kim thường giữ song lan.

## Các nhạc sĩ nổi tiếng trong giới đờn tài tử

Thời ấy, trong giới đờn tài tử có nhiều bậc thầy nổi tiếng, chiếm địa vị *chủ soái* ở các tỉnh miền Nam.

- **Nguyễn Quang Đại**, thường gọi là ông Ba Đại, vì VN có tục kiêng húy, nên học trò gọi là ông Ba Đại thay vì Đại, cũng có người cho rằng không gọi Đại để khỏi trùng tên với vua Bảo Đại. Ông đã đào tạo một số học trò tên tuổi như ông Sáu Thới, thầy của ông giáo Thịnh. Học trò của ông ở Cần Đức và Saigon.
- Cùng thời với ông có những nhạc sĩ từ miền Trung vào nổi tiếng là danh cầm như **Nguyễn Liêng Phong** và con là **Nguyễn Tùng Bá** thường gọi là Tư Bá đi dạy đờn kim, đờn tranh, đờn tỳ bà khắp lục tỉnh. **Phạm Đăng Đào** từ miền Trung vào ngụ ở Vĩnh Long chuyên môn độc huyền cầm.
- Tỉnh Mỹ Tho, ở Vĩnh Kim, có ông Trần Quang Diệm, thường gọi là ông Năm Diệm (nội tổ chúng tôi) chuyên đờn kim, nhứt là tỳ bà. Ông có đặt nhiều tỳ bà ký âm theo cách ông sáng chế, chép theo ô vuông, khoảng cách giữa những chữ đờn tùy theo nhịp trong câu, tiếc là bản thảo đã bị thất lạc trong chiến tranh. Ngoài ra, người ta cho rằng ông đã đặt 8 bài ngự đề mừng vua Thành Thái khi vua vào Nam, nhưng có người cho rằng tác giả các bài ấy là ông Ba Đại. Tám bài ngự này là : Kim tiền bản, Ngự giá, Ai Tử kê, Duyên kỳ ngộ, Bát man tấn công, Đường Thái Tôn, Chiêu quân, Tương tư.
- Ông **Hai Khi**, thường gọi là ông **Nhạc Khi**, vì ông chuyên môn nhạc lễ. Tên thật là Lê Văn Khi, con ông phó tổng Lê Văn An, tức Bầu An, có gánh hát bội nổi tiếng ở miền Tây.
- Cũng cần nhắc thêm vài nhạc sĩ nổi tiếng như **Cao Huỳnh Diêu, Cao Quỳnh Dư, Cao hoài Sang, Sáu Thới, Tám Hạnh, Tư Bường, thầy ký Hoan, Bảy Đồng**.
- Trong thế hệ trẻ thời ấy, tại Mỹ Tho có 2 người cùng tên Triều và cùng nổi danh với cây đờn kim. Theo lời cụ Vương Hồng Sển nhắc lại lời của ông Diệp Văn Cương, một nhân vật trong chánh giới thời ấy có nói : *Khi tôi nghe Tư Triều đờn kim và cậu Năm Diệm đờn tỳ bà, tôi không muốn nghe ai đờn nữa cả.*  
**Tư Triều**, tên thật là Nguyễn Tổng Triều, người làng Cái Thia. Ông có người con gái tên cô Hai Nhiều, đờn tranh và ca rất hay. Nhóm của ông có các nghệ sĩ như Chín Quán đờn độc huyền, Mười Lý thổi tiêu, Bảy Vô đờn cò (tiện đây xin nhắc rằng em ông Bảy Vô là Tám Ra đánh trống nhạc lễ rất tài tình, và ban nhạc của hai anh em Bảy Vô, Tám Ra nổi tiếng về nhạc lễ ở Mỹ Tho, có cô Hai Nhiều đờn tranh và ca, cùng với cô Ba Đắc.  
**Bảy Triều**, tên thật là Trần Quang Triều, con thứ bảy của ông Trần Quang Diệm (thân phụ của chúng tôi), người làng Vĩnh Kim. Nhạc sĩ Bảy Triều biết đờn nhiều cây, đặc biệt là đờn độc huyền, bắt chước tiếng đào hát bội *thán*. Theo cụ Vương Hồng Sển thì tiếng đờn kim của Bảy Triều vào bực nhứt, hơn cả nhạc sĩ Tư Triều. Bảy Triều đã sáng chế ra dây Tố Lan mà các nhạc sĩ tài tử miền Nam dùng để đờn hai bản Văn thiên trường và Tứ đại oán. Thuở ấy, tại làng Kim Sơn (Rạch Gầm) có cô Sáu Ngọc cai bài Tứ đại oán, Bá lý hề rất hay. Giới chuyên nghiệp thường nhắc rằng khi cô Sáu Ngọc ca Tứ đại oán mà có nhạc sĩ Tư Triều phụ họa đờn kim, lên dây Tố Lan thì không có gì thú vị hơn.
- Nếu làng Vĩnh Kim có gia đình ông Trần Quang Diệm thì làng Đông Hòa có ông Nguyễn Tri Túc (ngoại tổ chúng tôi). Ông là hậu duệ của tướng Nguyễn Tri Phương, chuyên đờn tam và đờn cò. Ông có hai người con nổi tiếng : Nguyễn Tri Lạc, đờn cò, trống nhạc lễ cùng với nhạc sĩ Jean Tịnh,

đờn cổ nhạc bằng violon và đặc biệt Nguyễn Tri Khương thiện nghệ với cây sáo ngang. Ông lại biết đờn kim, tranh, cò và đánh trống nhạc lễ. Ông lại rành về hát bội và đặt những bài nhạc mới theo phong cách cổ truyền và tuồng cải lương mà chúng tôi sẽ nhắc ở phần sau.

Ngoài các bậc Thầy kể trên, chúng tôi đặc biệt nhắc đến ba nhạc sĩ, vì ngoài việc đờn hay, ba vị này còn có óc sáng tạo nhạc cụ và bài bản mới. Đó là **Thầy Ký Quờn** tại Vĩnh Long, nhạc sĩ **Sáu Lầu**, tác giả bài *Dạ cổ hoài lang* tại Bạc Liêu và ông Năm Khương tại Mỹ Tho.

## • **Thầy Ký Quờn**

Ông tên Trần Quang Quờn, làm kinh lịch ở tòa án Vĩnh Long (do đó gọi là ông Kinh Lịch Quờn). Ngoài việc ông đờn tài tử rất hay, đặt lời ca rất đúng thanh âm để ăn với chữ đờn, ông còn chế ra nhiều nhạc cụ mới để thay thế các nhạc cụ cổ truyền và sáng tác nhiều bài bản mới theo lối ký âm do ông chế ra, khác hẳn với cách chép nhạc theo những chữ đờn hò, xự, xang, xê, cồng.

Sau đây là những nhạc cụ mà thầy Ký Quờn đã sáng chế ra :

- Tiểu ba tiêu (ba tiêu là chuỗi, nhưng chữ ba tiêu nhắc lại cây quạt ba tiêu của La Sát quạt tắt lửa núi Hỏa diệm sơn), hình như đờn mandoline, 4 dây
- Đại ba tiêu (nghĩa là cây quạt lớn), hình dáng tương tự cây guitare
- Trùng đồng : như hai cây độc huyền cảm nhập lại, thùng đờn bằng cây thông. Mặt đờn 1m bề dài, 4 tấc bề ngang, và 5 tấc bề cao. Cản đờn làm bằng sừng lá xuyên ngang qua hai gáo dừa (dừa xiêm, trái đệt) và căng hai sợi dây thau.
- Song thương : là cây đờn có cung kéo, cũng có 2 dây như cây đờn gáo, nhưng đờn song thương có 2 gáo dừa lấy dây thau buộc lại. Mấy lỗ buột dây trét khăn, mặt đờn bằng cây thông, cản đờn bằng cây trắc, cây cam xe, hay cây gõ. Giữa mặt đờn có con ngựa bằng tre, giữa dây đờn có cái khuyết đờn như đờn gáo. Hai gáo ráp vào nhau cao 26cm, cần dài 60cm.
- Đại đồng minh : phỏng theo cây đờn cello của Phương Tây. Thùng đờn tương tự thùng đờn guitare, 8 tấc bề cao, 4 tấc bề ngang, 3 tấc bề sâu. Lưng đờn bằng cây ngô đồng, mặt đờn bằng thau. Cản bằng cây trắc, cao 1m, con ngựa chuộc nhọn. Đờn có 3 dây lên theo kiểu hò, xê, liêu.

Tuy người đương thời nói thầy ký Quờn chế ra đờn mới, nhưng thật ra thầy phỏng theo đờn mandoline và guitare khi chừa cây Tiểu ba tiêu và Đại ba tiêu, phỏng theo cây cello để chế ra cây Đại đồng minh. Cây Song thương là cây đờn gáo cải biên thay vì một gáo thì 2 gáo, còn Trùng đồng là đờn bầu cải biên, có 2 bầu và 2 dây.

Về bài bản, thầy Ký Quờn đã phỏng theo nhạc tài tử trong các hơi điệu và theo nhạc hát bội về tiết tấu. Thầy đã đặt :

- 11 bài hơi Bắc : Hiệp điệp xuyên hoa (bầy bướm nút nhụy hoa), Thanh đình điểm thủy (chuồn chuồn đậu trên mặt nước), Kim oanh trịch liễu (chim oanh đậu làm hoàng cây liễu), Song cuc đối ngữ (hai con chim hót đối đáp nhau), Anh võ năng ngôn (Chim anh võ biết nói), Cơ miêu khoát thử (mèo đối rình bắt chuột), Tước dược ( chim se sẽ bay), Cừ hổ báo nhập trọng địa ( cọp và beo vào trận địa), Tróc mã (bắt ngựa), Ốc thủ (nắm tay), Đàm tâm (nói chuyện tâm tình).
- 2 bài hơi Nam : Đông hoàng (giọng Nam xuân), Thu thỉnh (giọng Nam ai)
- 2 bài hơi oán: Thừa nhan (Gặp gỡ nhau), Hàn huyền (hỏi chuyện âm lạnh).
- 2 bài Ai Oán : Dạ bán chung tình (nửa đêm nghe tiếng chuông), Tẩu lữ phi oanh (theo ánh sáng con đom đóm)

Dàn nhạc của Thầy Ký Quờn thành lập năm 1920, mục đích để canh tân hát bội. Năm ấy, ông Huỳnh Tri Phú lập ra một gánh hát bội mà đào kép toàn là trẻ em 15, 16 tuổi. Ông mượn các đào kép hát bội trừ danh dạy cho các em đóng tuồng. Về nhạc thì không dùng dàn nhạc ngoài của hát bội mà là dàn nhạc của thầy Ký Quờn.

Tháng 6 âm lịch năm 1921 ra mắt khán giả tại rạp Moderne ở đường Espagne, Saigon. Khán giả đến xem chật rạp. Khi đào kép hát Nam xuân, dàn nhạc đờn bản Đông hoàng, hát Nam ai đờn bản Thu

thinh, nói lối đờn Đờm tâm hay Óc thủ, hát khách cũng đờn Óc thủ, hát khách tầu đờn bản Khóa mã dương tiên, nói lối Ai đờn bản Dạ bán chung thinh. Đánh giặc thì đờn Bát thủ liên huồn, 8 bản liên tiếp ; Khai mau, Hiệp điệp xuyên hoa, Thanh đình điểm thủy, Kim oanh trích liễu, Song cưu đối ngữ, Anh vô năng ngôn và Tước dược (theo thơ của cậu Nguyễn Tri Khương viết cho chúng tôi tháng 5, 1956). Phần đông khán giả đến là để nghe dàn nhạc hơn là để xem hát bội. Thầy Ký Quờn đặc chí, nói nhờ dàn nhạc của ông mà đông khách, ông Huỳnh Trí Phú nghe vậy không bằng lòng và sau 3 đêm cho dàn nhạc của thầy Ký Quờn nghỉ việc, chỉ giữ lại đờn cò và trống chiêng. Khán giả thưa dần và năm sau rá gánh. Rất tiếc vì tự ái mà công chuyện thất bại : bài bản của thầy ký Quờn không được phổ biến, gánh hát thầy Phú tan rã.

### • Ông Sáu Lầu

Ông tên là Cao văn Lầu, sanh tại xã Thuận Lễ, nay là Thuận Mỹ, tỉnh Tân An. Năm 6 tuổi, ông theo cha về Bạc Liêu. Về năm sanh, khoảng năm 1890 (theo Trần Văn Khải trong *Nghệ thuật sân khấu VN*, nhà xb Khai Trí, 1970, tr.115, do GS Nguyễn Thuyết Phong dẫn chứng trong *Thế giới âm thanh*, nhà xb. Hoa Cau, California, tr.72) hay là năm 1892 (theo Bùi trung Tín trong *Bản vọng cổ trên từng chặng đường phát triển* trong tạp chí Văn Hóa, số tháng 5, 1994, tr.72).

Trong một bài báo Một cuộc phỏng vấn bất ngờ của Thanh Cao đăng trong báo *Dân Mới* ngày chủ nhật 20/12/1953, khi Thanh Cao hỏi ông Sáu Lầu : *Chẳng hay từ ngày bác cho ra đời bản vọng cổ Dạ cổ hoài lang, đến nay được bao nhiêu tuổi rồi, và Bác còn nhớ năm nào chẳng ?* ông Sáu Lầu trả lời :

*Tôi không nhớ rõ được bao lâu, nhưng chỉ nhớ năm ấy tôi được 29 tuổi và bây giờ tôi đã lên 63.*

Bài phỏng vấn năm 1953, ông 63 tuổi năm ấy tức là ông sanh năm 1890. Và năm ông sáng tác **Dạ cổ hoài lang** là năm 1919, lúc khủng hoảng tinh thần, trong hoàn cảnh đau thương bị mẹ bắt buộc phải ly dị với người vợ sau 8 năm đã chung sống vì lý do bà không sinh con nối dòng. Ông buồn nhớ bạn lang nên đặt bài ca Hoài Lang, ông Bảy Kiên đề nghị thêm vô hai chữ Dạ cổ là tiếng trống ban đêm. Theo ông Bùi Trung Tín, năm sáng tác là năm 1920 tại Bạc Liêu.

GS Thuyết Phong cho rằng ông Sáu Lầu sáng tác Dạ cổ hoài lang vào khoảng 1919-1920, không phải vì thương nhớ bạn lang mà nhân dịp có một nhóm nghệ sĩ từ Huế vào trình diễn trong Nam, ông Sáu Lầu sáng tác bài này để đáp lễ (sdd, tr.72).

Tuy những sự việc này không quan trọng lắm, nhưng chúng tôi ghi lại để các bạn thấy rằng, chỉ có vài chi tiết về năm sanh, năm sáng tác bài DCHL và trường hợp sáng tác mà các nhà báo, nhà nghiên cứu âm nhạc vẫn chưa nhất trí.

### • Ông Nguyễn Tri Khương

Ông sanh tại làng Đông Hòa, tỉnh Mỹ Tho năm 1926. Ông có sáng tác một số bài mới trong tuồng cải lương *Giọt lệ chung tình* phỏng theo tiểu thuyết *Giọt máu chung tình* của ông Nguyễn hữu Ngỗi, người Chợ Lớn, nhắc lại mối tình chung thủy của Võ Đông Sơ, con của Võ Tánh và Bạch Thu Hà.

Sau đây là những sáng tác của ông Nguyễn Tri Khương trong địa hạt nhạc tài tử.

- Đăng lâu thường nguyệt (lên lâu xem trăng) : bài này hơi Bắc, nay đã thất truyền
- Yến tước tranh ngôn (chim én và chim sẻ cãi lộn). Bài này chúng tôi đã ghi âm tại Paris cho hãng đĩa Oria của anh Lê Quang Tư, người Saigon vào năm 1950 (đĩa Oria 78 vòng, số LQT 305). Trong chương trình *âm nhạc dân tộc* của Đài truyền hình TPHCM ngày 04-04-1992, chúng tôi vừa đờn kìm vừa ca bản này, có thu âm trong đĩa CD Ocora số C-560054, *Viet Nam poésies et chants*, bài thứ tư.
- Thất trí bi hùng (mắt chim tri má, buồn lòng chim tri trống) lúc Bạch Thu Hà bỏ nhà không ung Vương Bích để trọn tình với Võ Đông Sơ.
- Phong xuy trích liễu (gió thổi đập vùi cây liễu), hơi Xuân nữ, nhịp mau như Nam tầu, lúc Bạch Thu Hà bị cướp rượt trong rừng. Bài này chúng tôi đã thu trong đĩa Baeireiter-Musicaphon, collection UNESCO, số BM LD 30-2023 năm 1964, và trong đĩa Ocora số C-560054, bài số 7.

## Những ý nghĩa của một vài danh từ

Trước hết chúng tôi muốn đề cập đến hai chữ **bài** và **bản**. Chúng tôi gọi **bài Dạ cổ hoài lang**, nhưng **bản Dạ bán chung thính**. **Bài ca, nhưng bản nhạc**. Bản Dạ bán chung thính chỉ có nhạc mà không có lời nên gọi là bản. Bài Dạ cổ hoài lang của ông Sáu Lầu vừa có nhạc mà có cả lời, nên gọi là bài. Những bài nhạc của ông Nguyễn Tri Khương đặt có nhạc, có lời nên gọi là bài.

Ngoài ra, chữ **ca** và **hát** cũng có một chút khác biệt. **Ca** là tiếng Hán-Việt, còn **hát** là tiếng Nôm. Những từ như quốc ca, thánh ca, dân ca, ca khúc, ca trù là những từ Hán Việt. Những từ như hát bội, hát cải lương, hát chèo, hát đúm, hát gheo, hát xoan là tiếng Nôm. Chữ ca cũng có thể dùng trong tiếng nói thông dụng như *tôi ca một bài vọng cổ, tôi hát một bài quan họ*.

Có gì khác biệt giữa ca và hát.

Ca dùng cho những bài ca có làn điệu nhưt định, thông thường có nhạc trước khi có lời ca, và lời phải đặt theo làn điệu. Như bài Hành Vân, Tứ đại có nét nhạc cố định nên chúng ta nói tôi ca bài Hành vân, chứ không nói tôi hát một bài Hành vân.

Hát dùng cho những bài trong đó nét nhạc không cố định, mà tùy theo lời. Như trong hát tuồng, hát bội, hát Khách, hát Nam vì các bài hát Khách, hát Nam không có một nét nhạc nhưt định mà tùy theo thanh giọng của lời thơ, lời phú. Lời trong các bài *quan họ* là thơ lục bát hay lục bát biến thể, lời trong bài *hát nói* cũng được đặt trước rồi nhạc tùy theo lời thơ mà lên bổng xuống trầm.

Khi ca, người ta ngồi yên một chỗ. Khi thêm một vài bộ điệu thì *ca tài tử thành ca ra bộ*. Nếu ngồi yên mà ca là ca tài tử. Khi lên sân khấu, có cử động, từ dùng là hát cải lương.

Khi ca luôn có đàn phụ họa, thường là loại đàn dây tơ, sáo trúc, không có kèn thổi. Nhịp thì chỉ có phách, song lang, sanh, nhịp đều theo trường canh, chứ không có trống, chiêng.

### Trở lại vấn đề bài bản, chúng tôi muốn nêu ra vài nhận xét, đặc biệt bài Dạ cổ hoài lang.

- Việc sáng tác, các nhạc sĩ ảnh hưởng với nhau, thí dụ như khi tại Vĩnh Long, thầy Ký Qườn sáng tác bản *Dạ bán chung thính* (1919) thì cùng lúc ấy, trướcsau vài tháng, tại Bạc Liêu, ông Sáu Lầu sáng tác bài *Dạ cổ hoài lang*. Nửa đêm nghe tiếng chuông sầu miên man, và nghe tiếng trống ban đêm nhớ người bạn lang, hai chuyện trên có chút gì tương đồng trong thời điểm và tình cảm? Bài *Anh võ năng ngôn* và *Song cựu đối ngữ* của thầy Ký Qườn đã gợi ý cho ông Nguyễn Tri Khương đặt tên bài *Yến tước tranh ngôn*.

Bài *Kim oanh trích liễu* của thầy Ký Qườn cũng đã gợi ý cho ông Nguyễn Tri Khương đặt bài *Phong xuy trích liễu*, cũng như bài *Hiệp điệp xuyên hoa* của Thầy Ký Qườn và *Hồ điệp xuyên hoa* của ông Khương.

Nét nhạc và nhịp điệu tuy có khác nhau, nhưng tên bài bản thì lại rất gần nhau.

- Bản *Dạ bán chung thính* của thầy Ký Qườn và bài *Dạ cổ hoài lang* của ông Sáu Lầu được ra mắt công chúng cùng một lúc, nhưng bản đầu không được ai để ý trong khi bài thứ nhì được hoan nghinh và phổ biến sâu rộng trong quần chúng cho đến nay. Lý do là bản *Dạ bán chung thính* chỉ có nhạc mà không có lời. Đặt ra để phụ họa cho hát bội chứ không để ca tài tử hay cải lương, trái lại lời ca của *Dạ cổ hoài lang* làm xúc động lòng người.

- Nét nhạc dễ nghe, dễ nhớ, cùng một cấu trúc thanh âm, điệu thức với những điệu dân ca miền Nam.

Hồ, xự non, xang già, cống non như cách ru em : *ầu ơi ví dầu*, câu hò cây trong ruộng sâu đầy nước, hay câu hò trên sông *bờ bụi tối tăm*, từ Tiền Giang, Bến Tre tới Đồng Tháp qua Hậu Giang tới Bạc Liêu, nét nhạc rất gần với cách nói thơ Lục Vân Tiên, điệu ca Lý con sáo và cách tụng hơi Ai của các sư sãi miền Nam, đó là những yếu tố khiến Dạ cổ hoài lang dễ đi vào lòng người dân miền Nam.

- Lời và nhạc buồn đều diễn tả nỗi buồn củangười vợ trông chồng mà người Việt rất thích nghe nhạc buồn.

Buổi hòa đờn tài tử thường bắt đầu bằng bài Bắc, chuyển qua hơi Xuân, cuối cùng kết thúc bằng hơi Ai để cho thính giả phải *Nghe ra ngậm đắng nước cay thế nào*. Nỗi buồn củangười Việt thường ém vào trong, lắm khi nghẹn ngào chẳng thốt ra lời. Bài *Dạ cổ hoài lang* đã gợi lên được cái nỗi sầu sâu kín của con người VN.

- Bài *Dạ cổ hoài lang* đã được nhiều hoàn cảnh thuận lợi để được phổ biến rộng rãi.

Các soạn giả tuồng cải lương luôn dùng bản *Dạ cổ hoài lang* nhịp đôi như ông Phạm Công Bình đặt vở tuồng *Tối độc phụ nhân tâm* trình diễn từ Bắc vào Nam. Bài *Dạ cổ hoài lang*, và sau này bài vọng cổ có bản chất *động* đã biến hóa dễ dàng. Thêm nữa trong Nam, quan điểm *chân phương hoa lá* rất thịnh hành. Học thì có căn có cội, chân thật và vuông vắn, đờn thì phải thêm hoa thêm lá, thêm duyên thêm nhụy, cho tiếng đờn thêm bay bướm, cho câu ca thêm mượt mà. Nhờ tánh chất *động*, chữ xang dần và già hơn một chút, chữ công lại non và thấp hơn một chút làm cho cái buồn thêm rữ rượi, cho hơi thêm bay bướm, cho câu ca thêm mượt mà. Lại còn đờn ca lời dần, từ nhịp đôi qua nhịp tư, rồi nhịp 8, nhịp 16, nhịp 32, rồi thêm cách vào bài, vào bản, cách vô vọng cổ, nói lời xong một câu rồi để cho người ca, tùy theo khả năng sở thích để cho giọng ca quanh co, uốn khúc trước khi xuống chữ *hò* vào bản, làm cho người nghe nín thở đợi chờ.

Như vậy, trong cổ nhạc VN, chưa có bài bản nào được như *Dạ cổ hoài lang* biến thành vọng cổ, từ một sáng tác cá nhân đã biến thành một sáng tác tập thể, sanh ra từ đầu thế kỷ, lớn lên và phát triển không ngừng để sống mãi trong lòng người Việt khắp năm châu.

### Vài khác biệt trong lời ca bản *Dạ cổ hoài lang*

Theo Bùi Trung Tín (sách đã dẫn)	Theo tác giả bài viết này (TVK)
1- Từ là phu tướng	Từ là phu tướng
2- Báu kiếm sắc phán lên đường	Bảo kiếm sắc phong lên đàng
3- Vào ra luống trông tin nhận	Vào raluống trông tin chàng
4- Năm canh mơ màng	giống
5- Em luống trông tin chàng	Trông luống trông tin chàng
6- Ôi gan vàng thêm đau	Ôi gan vàng quận đau
7- Đường dù xa ong bướm	Chàng dẫu say ong bướm
8-Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang	giống
9-Còn đêm luống trông tin bạn	Đêm luống trông tin bạn (hay tin nhận)
10- Ngày mỗi mòn như đá vọng phu	giống
11-Vọng phu vọng luống trông tin chàng	giống
12- Lòng xin chớ phụ phàng	giống
13- Chàng là chàng có hay	giống
14- Đêm thiếp nằm những luống sầu tây	giống
15- Biết bao thuở đó sum vầy	giống
16-Duyên sắt cầm đừng lạt phai	giống
17-Là nguyện cho chàng	Thiếp nguyện cho chàng
18- Hai chữ bình an	Đặng chữ bình an
19-Trở lại gia đàng	giống
20- Cho én nhận hiệp đôi	giống

[\*] Đặc San Trung Học MỹTho (Canada), 1998